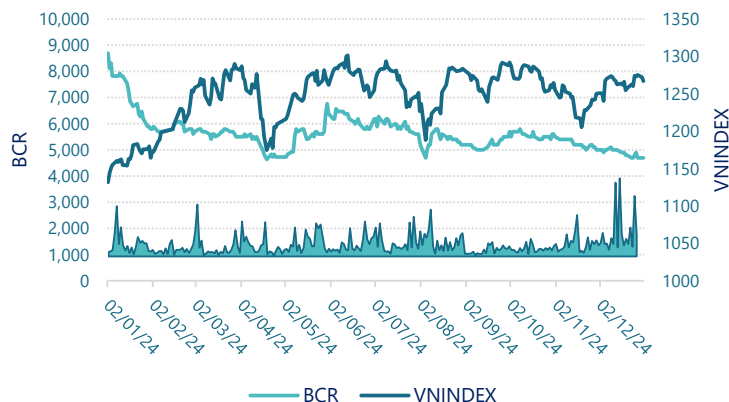


CTCP BCG Land (UPCOM: BCR)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	4,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	8,695
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,637
SL cổ phiếu LH	473,799,913
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,192,250
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,227
P/E	8.6
EPS	547

DT thuần

Q4/24

74.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼213 | -74.1%

YoY: ▼287 | -79.4%

LN sau thuế

Q4/24

153

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 109 | 251%

YoY: ▲ 148 | 3124%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

92.8%

+/- YoY: ▲ 44.1%

DT thuần

2024

669

tỷ VNĐ

YoY: ▼275 | -29.1%

LN sau thuế

2024

259

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 121 | 87.8%

ROE

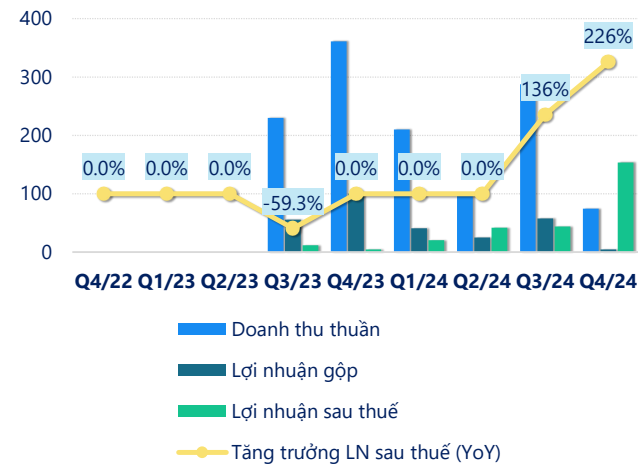
2024

4.3%

+/- YoY: ▲ 2.7%

tỷ VNĐ

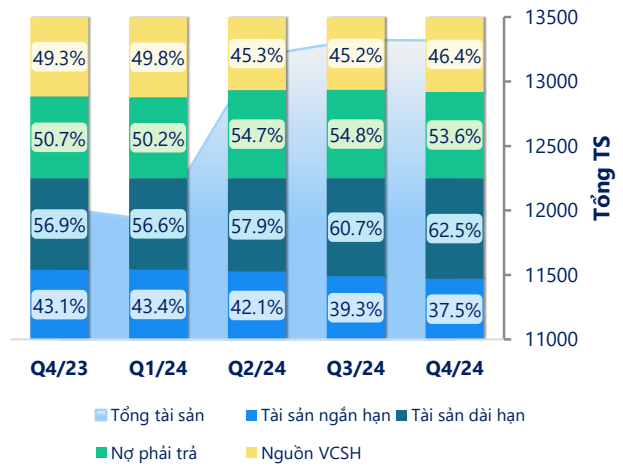
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

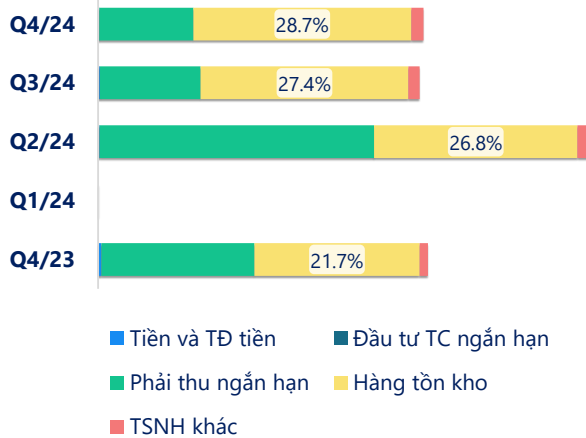
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



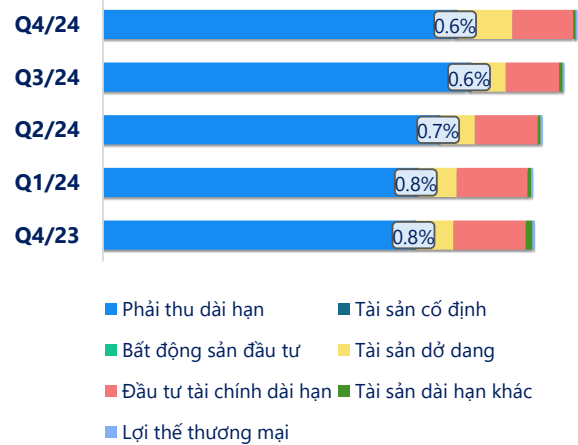
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

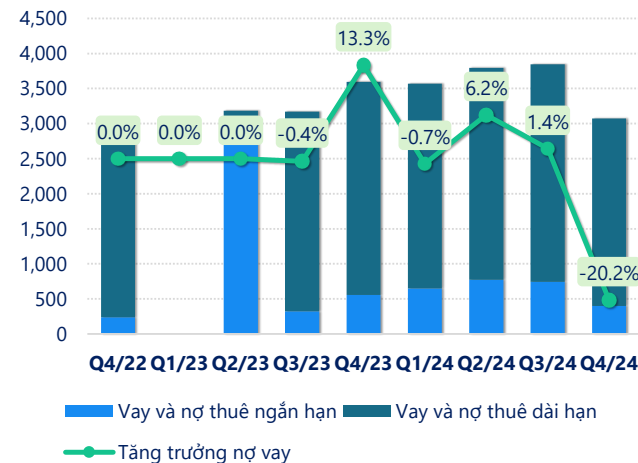
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

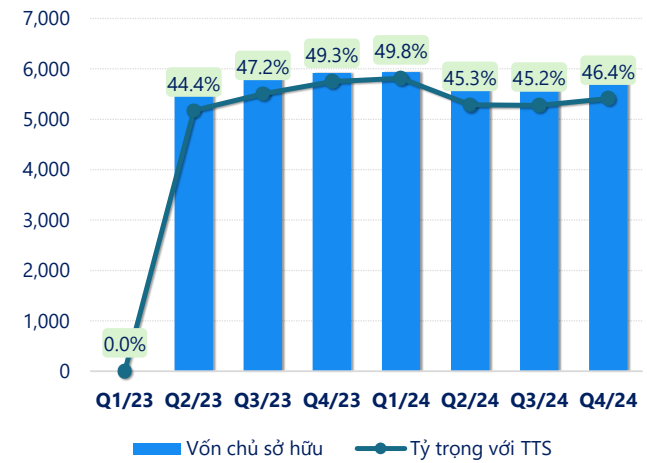
Nợ vay



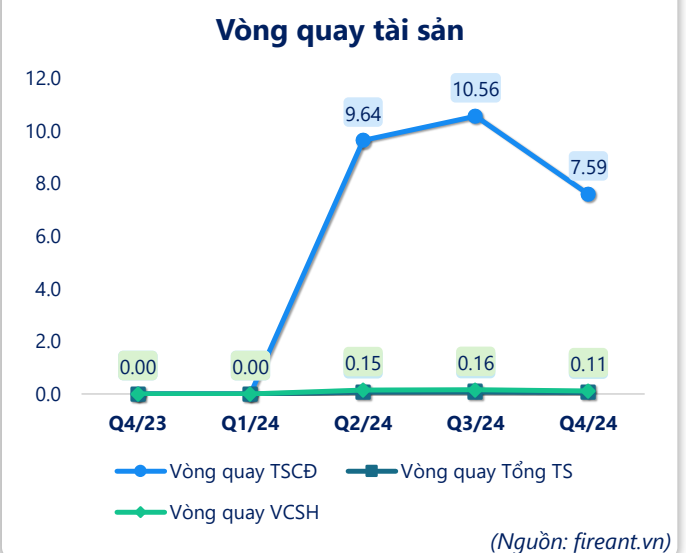
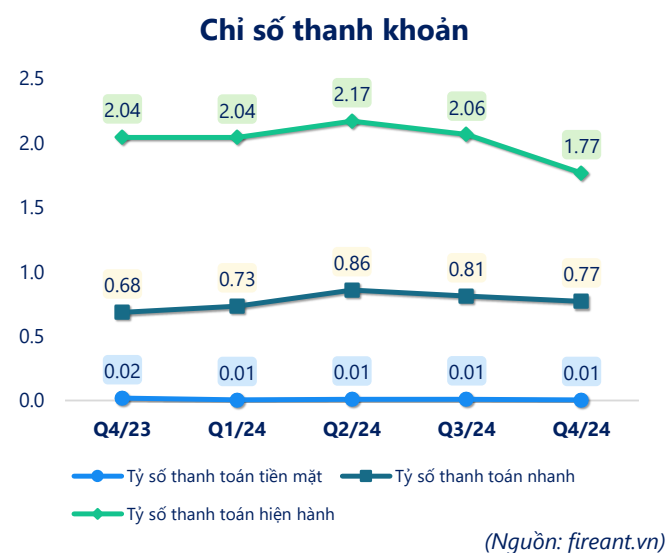
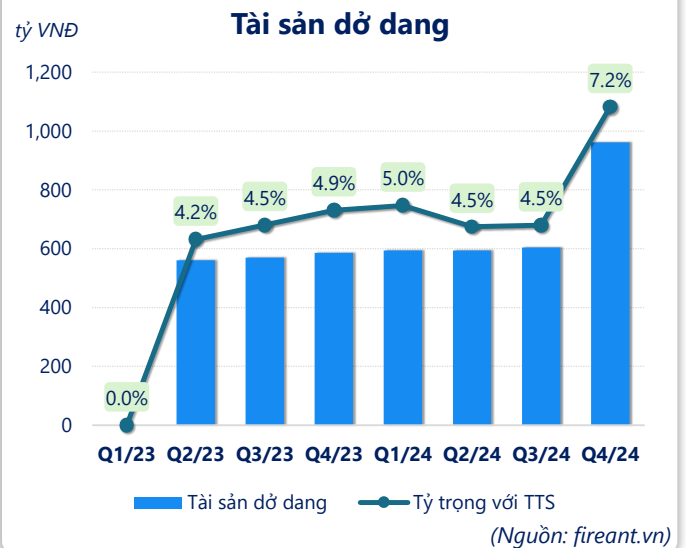
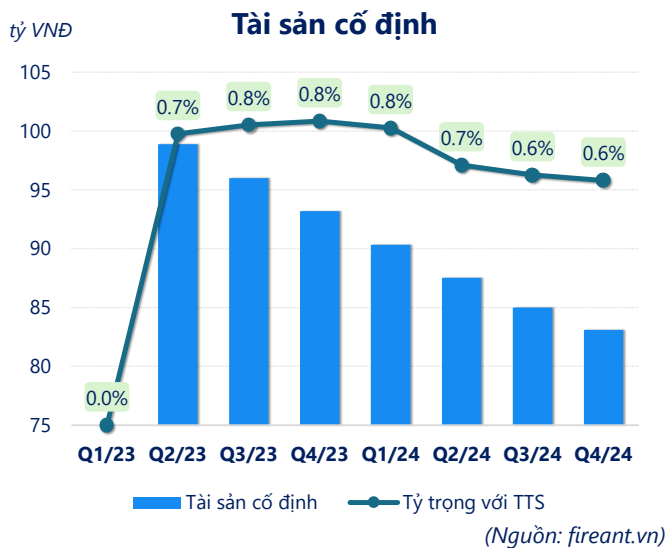
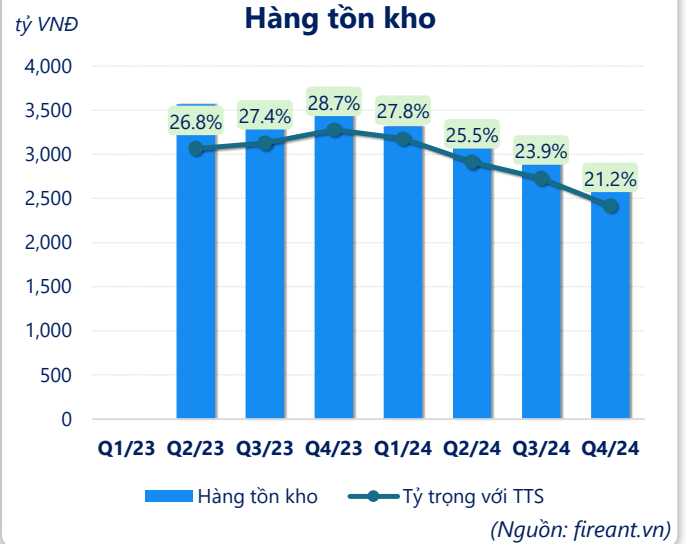
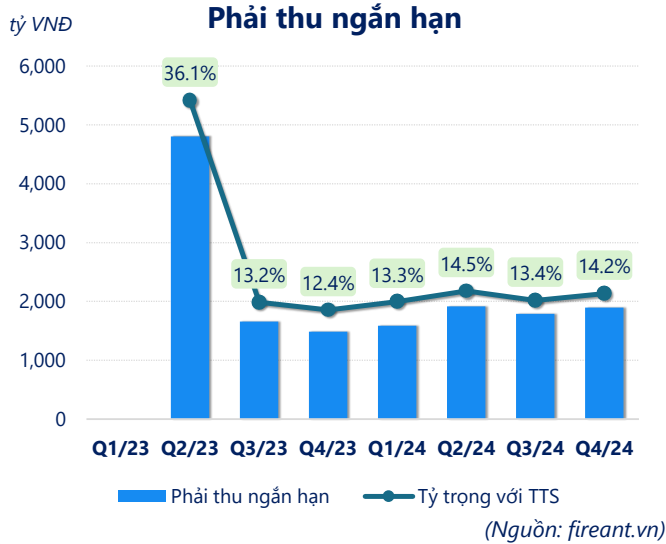
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	12,020	11,919	13,197	13,321	13,319
Tài sản ngắn hạn	5,184	5,169	5,558	5,231	4,997
Tiền và tương đương tiền	47.4	12.8	22.6	25.8	14.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.24	7.24	7.43	7.43	43.3
Phải thu ngắn hạn	1,487	1,586	1,918	1,790	1,895
Hàng tồn kho	3,448	3,316	3,361	3,179	2,818
Tài sản ngắn hạn khác	195	247	249	228	226
Tài sản dài hạn	6,835	6,750	7,639	8,090	8,322
Phải thu dài hạn	4,867	4,864	5,779	6,377	6,132
Tài sản cố định	93.2	90.3	87.5	85.0	83.1
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	586	594	594	604	961
Đầu tư tài chính dài hạn	1,143	1,114	1,090	935	1,067
Tài sản dài hạn khác	111	53.7	54.7	57.9	47.5
Lợi thế thương mại	35.6	34.5	33.4	32.3	31.2
Nợ phải trả	6,099	5,981	7,217	7,298	7,142
Nợ ngắn hạn	2,537	2,531	2,563	2,533	2,830
Vay và nợ thuê ngắn hạn	556	651	773	743	401
Phải trả người bán ngắn hạn	64.2	101	71.3	63.7	51.0
Nợ dài hạn	3,562	3,450	4,654	4,765	4,312
Vay và nợ thuê dài hạn	3,039	2,919	3,020	3,104	2,671
Nguồn vốn chủ sở hữu	5,920	5,938	5,980	6,023	6,177
Vốn chủ sở hữu	5,920	5,938	5,980	6,023	6,177
Vốn điều lệ	4,600	4,600	4,600	4,738	4,738
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)